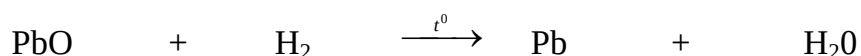
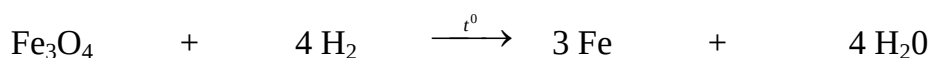
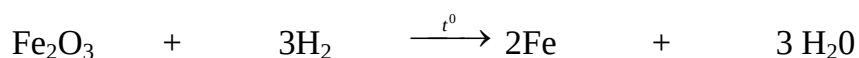
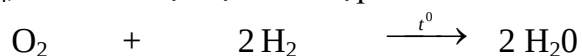


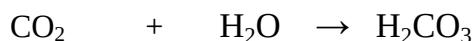
ĐỢT 8 – TUẦN 29
HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TUẦN TRƯỚC

Bài 1: Viết phương trình hóa học biểu diễn phản ứng của hiđro với các chất: O_2 , Fe_2O_3 , Fe_3O_4 , PbO ở nhiệt độ thích hợp. Ghi rõ điều kiện phản ứng.

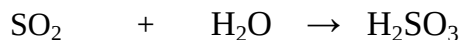


Bài 2: Lập phương trình hóa học của các phản ứng sau:

a) Cacbon đioxit + nước $\rightarrow$ Axit cacbonic (H_2CO_3).



b) Lưu huỳnh đioxit + nước $\rightarrow$ Axit sunfurơ (H_2SO_3).



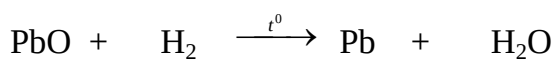
c) Kẽm + axit clohidric $\rightarrow$ Kẽm clorua + H_2 .



d) Điphotpho pentaoxit + nước $\rightarrow$ Axit photphoric (H_3PO_4).



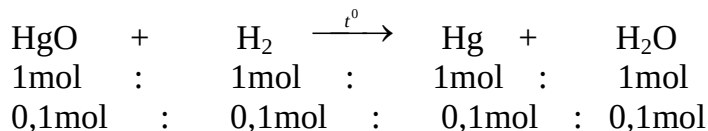
e) Chì (II) oxit + hiđro $\rightarrow$ Chì (Pb) + H_2O .



Bài 3: Khử 21,7 gam thủy ngân(II) oxit bằng hiđro. Hãy:

a) Tính số gam thủy ngân thu được.

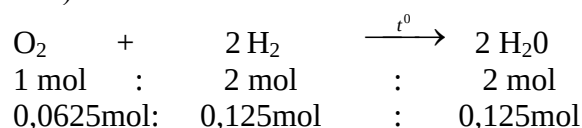
b) Tính số mol và thể tích khí hiđro (đktc) cần dùng.



$$m_{\text{Hg}} = n.M = 0,1.201 = 20,1\text{gam}$$

$$V_{\text{H}_2} = n.22,4 = 0,1.22,4 = 2,24\text{ lit}$$

Bài 4: Tính số gam nước thu được khi cho 8,4 lít khí hiđro tác dụng với 2,8 lít oxi (các thể tích đo ở đktc).



$$n_{\text{O}_2} = \frac{V}{22,4} = \frac{2,8}{22,4} = 0,125\text{ mol}$$

$$n_{\text{H}_2} = \frac{V}{22,4} = \frac{8,4}{22,4} = 0,375\text{ mol}$$

$$\text{So sánh : } \frac{0,375}{1} > \frac{0,125}{2} \rightarrow \text{O}_2 \text{ dư, H}_2 \text{ hết}$$

$$m_{\text{H}_2\text{O}} = n.M = 0,125.18 = 2,25\text{ gam.}$$

BÀI TẬP ĐỢT 8 – TUẦN 29

Bài 1: Cho MgO, CuO, P₂O₅, SO₂, Fe₂O₃, N₂O₃, K₂O. Xác định oxit axit, oxit bazơ và đọc tên các oxit.

Bài 2: Trong phòng thí nghiệm, để điều chế oxi, người ta phân hủy 47,4 (g) KMnO₄.

a) Tính thể tích khí oxi thu được (đktc).

b) Cho photpho cháy trong oxi thu được ở trên. Tính khối lượng photpho phản ứng và khối lượng sản phẩm thu được?